

NĂM MƯƠI NĂM NHÌN LẠI 2

I. LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 30 tháng Tư năm 2025 sắp đến đánh dấu một sự kiện rất quan trọng cho hơn 3 triệu (3,000,000) người dân Việt Nam sống tha hương. Đó là những người yêu chuộng tự do, không muốn sống dưới sự kiểm soát, trói buộc, đầy đọa của chế độ cộng sản.

Thăm thoát năm mươi năm đã trôi qua, thời gian đã đủ cho người Việt tỵ nạn học hỏi, hấp thụ nền văn hóa mới, xây dựng một cuộc sống ổn định nơi quốc gia tạm dung, và hồi tưởng lại những chuyện đã xảy ra làm cho họ phải rời bỏ quê hương. Thời gian cũng đủ cho giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam xem xét lại những điều đã xảy ra trên quê hương. Họ đã làm được những gì ích lợi cho người dân? Họ đã đem lại tự do, no ấm cho người dân như họ đã từng hứa hẹn, tuyên truyền trước đó?

Để trả lời câu hỏi nêu trên, để nhìn rõ vấn đề, chúng ta phải đi ngược lại thời gian, tìm một khởi điểm bắt đầu câu chuyện cho bài viết này. Nếu lấy ngày 30 tháng Tư năm 1975 làm cột mốc cho câu chuyện, điều này khó có thể chấp nhận được, không thể trả lời các câu hỏi “Tại Sao?” Làm thế nào, một quân đội với hơn 1 triệu (1,000,000) quân, được mệnh danh là “Bức tường thành ngăn chặn làn sóng đỏ trong vùng Đông Nam Á châu.” phải chấp nhận đầu hàng nhanh chóng.

Nếu kể từ khi quân đội Bắc Việt tấn công quân ly Đức Lập ngày 9 tháng Ba năm 1975 (thực sự nằm trong chiến thuật tổng quát nhằm cô lập thị xã Ban Mê Thuột về hướng Nam), rồi quân cộng sản chính thức nổ súng tấn công Ban Mê Thuột ngày 10 tháng Ba 1975, bắt đầu trận tấn công quy mô cho năm 1975 cũng không hoàn toàn đúng vì còn thiếu nhiều yếu tố chính trị, và sự chuẩn bị của quân đội miền Bắc. Sự thực, sau các buổi họp của Bộ Chính Trị, và Quân Ủy Trung Ương ngoài Hà Nội trong những tháng cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân cộng sản vẫn chưa tin có thể chiến thắng quân đội miền Nam (VNCH) dễ dàng. Do đó họ dự trù trận tấn công của họ sẽ kéo dài hai năm, năm 1975 sẽ làm suy yếu quân đội VNCH và sang năm 1976 mới dốc toàn lực kết thúc cuộc chiến Việt Nam. Bài viết này sẽ dời cột mốc lịch sử lại một chút để làm sáng tỏ vấn đề, cho độc giả dễ hiểu hơn.

II. THỜI ĐIỂM 1973–1974

Ngày 28 tháng Giêng năm 1973, Hiệp định Paris được ký kết. chính quyền Hoa Kỳ với Henry Kissinger ép buộc Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, chính quyền VNCH ký tên vào bản hiệp định mà hoàn toàn bất lợi về phía VNCH. Đó là kết quả những chuyển “đi

đêm” giữa Kissinger, Lê Đức Thọ, để quân đội Hoa Kỳ rút quân về nước (trong danh dự – with Honor) và Bắc Việt trao trả số tù binh đa số phi công Không, Hải Quân Hoa Kỳ bị bắn rơi, bắt làm tù binh ngoài Hà Nội.

Lợi dụng các điều khoản có lợi cho họ trong hiệp định Paris, quân đội Bắc Việt bổ sung quân số, vũ khí thay cho số bị tổn thất sau trận tấn công lễ Phục Sinh (Mùa Hè Đỏ Lửa). Cũng trong khoảng thời gian này, chính quyền Hà Nội nhận được số lượng lớn vũ khí tối tân, mới nhất do kỹ nghệ chiến tranh Nga Xô sản xuất (State of the Art) như đại bác 130ly tầm bắn xa 30 cây số (gấp đôi đại bác 155ly VNCH 14 cây số), chiến xa T-54 thay cho số chiến xa bị tổn thất năm 1972. Bộ binh Bắc Việt được trang bị các loại hỏa tiễn loại mới tầm nhiệt AT-3 Sagger chống chiến xa, SA-2 Stella chống các loại phi cơ bay chậm như trực thăng. (Hai loại này trên chân các loại súng chống chiến xa, phi cơ, Hoa Kỳ cung cấp cho các đơn vị bộ binh quân đội VNCH). Các đơn vị công binh Bắc Việt mở rộng hệ thống đường mòn HCM (đường Trường Sơn), để chuyên chở binh sĩ, quân dụng, vũ khí vào miền Nam, chuẩn bị cho trận tấn công quy mô sắp tới.

Đến năm 1974, Quốc Hội Hoa Kỳ bắt đầu cắt giảm viện trợ cho chính quyền VNCH. Từ 2.1 tỷ đô-la tài khoá năm 1973 xuống còn 1 tỷ cho năm 1974 và chỉ còn 700 triệu cho năm 1975. Con số 700 triệu đô-la thực ra chỉ giá trị khoảng 500 triệu vì lạm phát, giá trị đồng đô-la xuống thấp [1].

Theo Đại tướng Cao Văn Viên cựu Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội VNCH, trong tác phẩm “Những Ngày Cuối Của VNCH”, hậu quả việc cắt giảm viện trợ cho năm 1974, làm cho hơn 200 phi cơ của Không Quân VNCH nằm ụ (grounded) vì thiếu nhiên liệu, Hải Quân VNCH cũng phải cắt giảm 50%, 600 giang thuyền các loại không đủ xăng dầu để hoạt động. Về đạn dược, quân đội VNCH chỉ còn đủ đạn chiến đấu tới tháng 4/1975. Trong sáu tháng cuối năm 1974, hỏa lực của quân đội VNCH đã giảm đi 70% (Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh... đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo. (Tôi, vdh là một quân nhân binh chủng Biệt Động Quân đi hành quân trên vùng cao nguyên, không đủ đạn pháo binh đại bác 105ly để chiến đấu... Pháo binh chỉ đủ đạn đại bác để bắn yểm trợ khi bị địch tấn công, do đó, nhiều đoàn xe Molotova Bắc Việt chuyển quân, ngang nhiên cả ngày lẫn đêm mà quân đội VNCH bó tay, không đủ xăng dầu, bom, đạn đại bác bắn tiêu diệt địch.) [2].

III. TÌNH HÌNH TỪ THÁNG 3/1975 ĐẾN GIỮA THÁNG 4/1975

Đến cuối tháng Ba 1975, Quân Khu I (Quân Đoàn I) đã hoàn toàn thất thủ (29/3/1975). Quân Khu II (Quân Đoàn II) chỉ còn lại hai tỉnh Phan Rang, Phan Thiết trong tổng số 12 tỉnh. Đến ngày 4 tháng Tư 1975, hai tỉnh này được sáp nhập vào Quân Khu III (Quân Đoàn III). Như vậy, đến đầu tháng Tư năm 1975, cả hai Vùng I và II coi như mất vào tay địch quân. Các Sư Đoàn Bộ Binh 1, 2, 3 thuộc Quân Đoàn I, các Sư Đoàn 22, 23 thuộc Quân Đoàn II, đều tan rã hoặc bị thiệt hại nặng. Các đơn vị Tổng Trừ Bị Nhảy Dù, Thủy

Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân ra tăng cường Quân Khu I và II đều bị thiệt hại trong các cuộc rút lui, di tản.

Khoảng giữa tháng Mười Hai năm 1974, các cấp chỉ huy quân sự, chính trị trong miền Nam Việt Nam được triệu tập ra Hà Nội họp với mười một (11) thành viên Bộ Chính Trị. Đệ Nhất Bí Thư đảng Lao Động (cộng sản Việt Nam) Lê Duẩn mở đầu, cho rằng đã nhìn thấy đoạn kết của cuộc chiến... và mọi người đều đồng ý... Đại tướng Võ Nguyên Giáp tin rằng miền Bắc sẽ chiến thắng, nhưng cần thêm thời gian và... tùy theo thái độ (nhảy vào vòng chiến) của người Hoa Kỳ. Đại tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Nhân Dân (Bắc Việt) báo cáo tình hình chiến trường (trong miền Nam) và cho biết sẽ “phóng mũi giáo” từ đất Miên vào tỉnh Phước Long để thăm dò phản ứng của người Hoa Kỳ. Lê Duẩn trả lời việc này “Đừng lo chuyện pháo đài bay B-52”, lãnh tụ Bắc Việt đã dám quả quyết, người Hoa Kỳ sẽ không (dám) quay trở lại miền Nam Việt Nam.

Điều đó, chỉ hơn một tháng sau được chứng minh là đúng. Lần đầu tiên, chính quyền miền Nam VNCH bị mất cả một tỉnh, và người Hoa Kỳ không quay trở lại như đã hứa với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu... Tổng Bí Thư Lê Duẩn tuyên bố... “Chúng ta có thể xúc tiến kế hoạch (mở trận tấn công quy mô trong năm 1975) theo thời khoá biểu... và sẽ đánh mạnh để chiến thắng trong năm kế tiếp (1976)... Nhưng nếu thời cơ đến sớm, chúng ta sẽ tiến công nhanh để đạt chiến thắng trong năm 1975.”

Kể từ đầu năm 1973 (hiệp định Paris được ký kết), sau hai năm nghiên cứu, chuẩn bị kế hoạch đánh chiếm miền Nam Việt Nam. Giới lãnh đạo Hà Nội phác họa một kế hoạch để đạt chiến thắng (thống nhất đất nước) trong hai năm tấn công 1975–1976, và một kế hoạch song song, trường hợp thời cơ thuận lợi cho họ xảy ra, sẽ nắm lấy cơ hội giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam trong năm 1975. [3]

IV. CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH (MỤC TIÊU THỦ ĐÔ SÀI GÒN)

Quyết định rút quân để tái phối trí lực lượng sai lầm đưa đến các cuộc di tản chiến thuật hỗn loạn, để rồi cả hai Quân Đoàn I và II rơi vào tay địch quân một cách nhanh chóng. Chuyện này đã xảy ra vào năm 1950 trước đây trong trận Chiến Tranh Đông Dương lần thứ nhất, giữa người Pháp và quân Việt Minh. Để chuẩn bị cho Chiến Dịch Biên Giới (1950), cuối năm 1949, đáp ứng nhu cầu chiến trường, Tướng Giáp thành lập năm Sư Đoàn chính quy đầu tiên: 304, 308, 312, 316, và 320; và hơn 20 năm sau, các Sư Đoàn “Điện Biên” này sẽ đụng độ nảy lửa với các đơn vị lừng danh của quân đội VNCH.

Trong chiến dịch biên giới năm 1950, quân đội Pháp rải quân xây dựng, trấn đóng các đồn bót dọc theo đường biên giới với Trung Hoa từ Đông sang Tây: Lạng Sơn, Cao Bằng, và Lào Cai; tổng cộng khoảng 10 ngàn (10,000) quân. Lào Cai cùng khu vực phụ cận có khoảng 2,000, 3,000 quân với bốn tiền đồn: Mường Khuông, Pa Kha, Nghĩa Đô, và Phố Lu. Cao Bằng có hai đồn biên phòng ở Đông Khê và Thất Khê, mỗi đồn có một

Tiểu Đoàn lính Lê Dương (Legionaire), quân số tổng cộng ở Cao Bằng khoảng 4,000 người. Lạng Sơn là căn cứ chính yếu nơi phòng tuyến hướng Bắc, có khoảng 4,000 quân cùng các đơn vị yểm trợ.

Sư Đoàn 308 bắt đầu chiến dịch Biên Giới, tấn công từ tháng Hai năm 1950, tràn ngập đồn biên phòng Phố Lu (sau này nhốt quân biệt kích từ trong miền Nam ra). Người Pháp đưa một Đại Đội Nhảy Dù vào tiếp cứu cũng bị thiệt hại phải rút lui. Tiếp theo là tiền đồn biên phòng Nghĩa Đô, người Pháp thả dù Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù, thêm một Đại Đội Tiểu Đoàn khác vào tiếp cứu. Ông Giáp không muốn thí quân, ra lệnh cho Sư Đoàn 308 lui ra... Ông ta đoán đúng ý định của người Pháp, ra lệnh rút bỏ tiền đồn Nghĩa Đô... khởi đầu cho một... thảm kịch.

Tất cả các đồn biên giới bị bao vây, cắt đứt đường bộ tiếp tế, yểm trợ. Vào thời điểm đó, Không Quân (nói chung quân đội Pháp) nhờ vào sự yểm trợ của người Hoa Kỳ, không đủ khả năng thả dù tiếp tế cho các đồn biên phòng (và sẽ phải làm thường xuyên). Một giải pháp thứ hai, đưa thêm quân lên tăng cường cũng không thể được vì còn nhiều nơi khác phải phòng thủ. Và người Pháp chọn giải pháp thứ ba, ra lệnh di tản các tiền đồn, căn cứ biên phòng dọc theo biên giới phía bắc (Trung Hoa). Kết quả việc di tản, rút lui bằng đường bộ đã được chứng minh, và lịch sử tái diễn một lần nữa 25 năm sau. Đoàn quân di tản bị quân đội Bắc Việt phục kích đuổi theo tấn công, tiêu diệt. [4]

Sau khi thanh toán xong hai Quân Đoàn I và II, như đã dự tính trước, quân đội Bắc Việt nắm lấy cơ hội dốc toàn bộ lực lượng tiến về những khu vực tập trung gần thủ đô Sài Gòn. Bộ Chính Trị đặt tên cho trận tấn công quyết định vào thủ đô Sài Gòn là chiến dịch “Hồ Chí Minh”. Bắt đầu trận tấn công từ tháng Ba năm 1975, Bắc Việt đưa vào Vùng I, Vùng II các đơn vị tương đương 14 Sư Đoàn bộ binh. Nhận thấy thời cơ đã đến, họ đưa vào miền Nam đơn vị cuối cùng, Quân Đoàn tổng trừ bị (Quân Đoàn I Bắc Việt), trong đó có Sư Đoàn “cung” lừng danh 308, trước đó được vinh dự trao nhiệm vụ bảo vệ thủ đô Hà Nội. Cùng với các Trung Đoàn độc lập, Trung Đoàn chiến xa, pháo binh, phòng không, công binh, quân đội Bắc Việt có đến 20 Sư Đoàn để tấn công Sài Gòn.

Theo quyển hồi ký “**Đại Thắng Mùa Xuân**” của Đại tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tham Muu Trưởng Quân Đội Bắc Việt. Trong phiên họp ngày 25 tháng Ba 1975, Bộ Chính Trị Trung Ương (Central Political Bureau) nhấn mạnh, thời cơ chiến lược đã đến. Hà Nội có điều kiện sớm để hoàn thành trận tổng tấn công, xâm lăng miền Nam, tập trung quân, vũ khí, kỹ thuật để giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa.

Quân đội Bắc Việt gấp rút chuyên chở đồ tiếp liệu, binh sĩ, vũ khí vào chiến trường bằng cả ba phương tiện: đường bộ, đường hàng không, đường thủy... để đánh một ván bài chốt. Trong tài liệu của Tướng Dũng, các chương 11, 12, 13 cho biết Liên Khu V (Nam, Ngãi, Bình, Phú) Bắc Việt (VC) đã tổ chức được một đoàn xe vận tải, chở vào miền Nam, đạn dược, đồ tiếp liệu, chiến lợi phẩm vừa lấy được của quân đội miền Nam (VNCH). Đoàn xe tiếp vận chở “hàng” do Thiếu tướng Võ Thứ, Tư lệnh phó Liên Khu V chỉ huy. Trong

khi đó, các phi trường ngoài bắc: Gia Lâm, Vĩnh Phú, Đồng Hới, và các phi trường vừa chiếm được: Phú Bài, Đà Nẵng, Kontum, Pleiku nhận nhíp khác thường, tất cả các loại máy bay có cánh hay trực thăng, chở hành khách đều được tận dụng để chở người, vũ khí, súng đạn, sách báo, phim ảnh tuyên truyền... và hàng tấn bản đồ vùng Sài Gòn – Gia Định, vừa mới in xong từ xưởng in ẩn, bộ Tổng Tham Mưu quân đội Bắc Việt ngoài Hà Nội. Các bến sông, bến cảng ngoài miền Bắc và các khu vực chiếm được: Sông Hồng, sông Gianh, sông Mã, sông Hàn, Hải Phòng, Thuận An, Đà Nẵng hoạt động liên tục cả ngày lẫn đêm để đưa số lượng đồ tiếp vận khổng lồ vào miền Nam. [5]

V. NHỮNG NGÀY CUỐI THÁNG TƯ 1975

Khi các Sư Đoàn chính quy Bắc Việt chuyển quân vào đến các điểm tập trung (tuyến xuất phát), cán cân hoàn toàn nghiêng về phía cộng sản. Về quân số, quân đội Bắc Việt đông gấp 4 lần (4/1), và lại quân đội VNCH lúc đó đã bị hao tổn nhiều, đạn dược cũng gần cạn, tuy nhiên tinh thần chiến đấu vẫn còn, sẵn sàng chiến đấu đến cùng.

Ngày 21 tháng Tư, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Phó tổng thống Trần Văn Hương lên thay. Trong thời gian đó, các nhà ngoại giao quốc tế ra sức vận động để cứu thành phố Sài Gòn không trở thành bãi chiến trường. Quân cộng sản pháo kích bốn quả hỏa tiễn 120ly vào khu vực Khánh Hội, cảnh cáo VNCH, thủ đô Sài Gòn đã nằm trong tầm đạn pháo binh của họ. Đài BBC lên tiếng cho rằng Bắc Việt cảnh cáo chính phủ Trần Văn Hương phải bàn giao chính quyền miền Nam cho một người họ chỉ định... Mọi người đều hiểu rõ, cộng sản muốn Dương Văn Minh, và ngày 27 tháng Tư, cả hai viện Quốc Hội VNCH họp biểu quyết việc trao quyền cho Dương Văn Minh.

Trong khi đó, trên chiến trường, quân đội VNCH yếu kém trên mọi phương diện so với địch, vẫn cố gắng cầm cự để kéo dài thời gian sự sống cho miền Nam thân yêu. Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân Đoàn III VNCH tổ chức phòng thủ trên năm phòng tuyến chính khoảng cách vào đến trung tâm thành phố Sài Gòn xa hơn tầm đạn đại bác 130ly của cộng sản (30 cây số, gấp đôi tầm đạn đại bác VNCH 105ly 11 cây số, 155ly 14 cây số), bảo vệ các căn cứ lớn, quan trọng ở Biên Hòa, Củ Chi, Lai Khê, Long Bình. Phòng tuyến Tây–Bắc trọng tâm ở Củ Chi do Sư Đoàn 25 Bộ Binh và Liên Đoàn 9 Biệt Động Quân (tân lập) đảm trách. Phòng tuyến Bình Dương nơi hươ Bắc có Sư Đoàn 5 BB. Phòng tuyến Biên Hòa hướng Đông–Bắc có Sư Đoàn 18 BB cùng với Lữ Đoàn 468 TQLC (tân lập). Phòng tuyến Vũng Tàu trên Quốc lộ 15 do Lữ Đoàn I Nhảy Dù, 1 Tiểu Đoàn thuộc Sư Đoàn 3 BB, các đơn vị Thiết Giáp, Địa Phương Quân đảm trách. Phòng tuyến Long An hướng Nam do Sư Đoàn 22 BB, ba Liên Đoàn Biệt Động Quân 6, 8, và 9 đảm trách (hầu hết các đơn vị VNCH đều đã bị tổn thất vì phải chiến đấu liên tục với địch).

Quân đội Bắc Việt bắt đầu chiến dịch Hồ Chí Minh từ ngày 26 tháng Tư, tấn công trường Thiết Giáp tại Long Thành và căn cứ Nước Trong. Đặc công cộng sản tấn công cầu Tân

Cảng, cầu Xa Lộ, và đài Radar Phú Lâm, với ý định chiếm đóng cho chiến xa T-54 của họ tiến vào Sài Gòn nhanh chóng, dễ dàng, nhưng tất cả đều bị đẩy lui.

Sáng ngày 27 tháng Tư, quân cộng sản chiếm được Phước Lễ, Lữ Đoàn I Nhảy Dù rút lui về Vũng Tàu. Sau khi Sư Đoàn 18 BB rút về căn cứ Long Bình, Quân Đoàn IV cộng sản theo Quốc lộ 1 tiến về Biên Hòa. Pháo binh Bắc Việt pháo kích dữ dội vào phi trường Biên Hòa, Không Quân VNCH phải di tản phi cơ về Tân Sơn Nhất (Sài Gòn) và Trà Nóc (Cần Thơ). Hướng Tây-Nam Sài Gòn, Đoàn 232 [BV] (tương đương một Quân Đoàn) đã cắt đứt Quốc lộ 4 tại nhiều nơi, không cho Quân Đoàn IV VNCH đưa quân lên tăng viện cho Sài Gòn, và không cho quân VNCH rút về Vùng IV cố thủ. Nơi hướng Bắc, Quân Đoàn I từ miền bắc vào, theo Liên tỉnh lộ 16 đến Thủ Dầu Một. Hướng Tây-Bắc, Quân Đoàn III BV (tân công Ban Mê Thuột và các tỉnh trên vùng cao nguyên) cắt đứt Quốc lộ 1. Và Quốc lộ 21 không cho Sư Đoàn 25 BB VNCH rút lui về Sài Gòn.

Ngày thứ Hai 28 tháng Tư, ông Dương Văn Minh tuyên thệ nhậm chức Tổng thống VNCH, phi trường Tân Sơn Nhất, Bộ Tư Lệnh Hải Quân ở bến Bạch Đằng bị pháo kích đe dọa. Đến buổi chiều, ba phản lực A-37 lấy được của Không Quân VNCH, do tên nằm vùng Nguyễn Thành Trung hướng dẫn oanh kích phi trường Tân Sơn Nhất. Đến buổi tối, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III VNCH ở Biên Hòa di tản vào đóng trong bộ chỉ huy Thiết Giáp Binh ở Gò Vấp.

Bắt đầu từ 4:00g sáng ngày 29 tháng Tư cả hai nơi phi trường Tân Sơn Nhất và Bộ Tư Lệnh Hải Quân bị pháo kích lẻ tẻ như đe dọa, không cho quân dân VNCH di tản bằng đường hàng không cũng như đường hàng hải. Sư Đoàn 325, Quân Đoàn II BV (đơn vị tân công Huế) đánh chiếm khu vực Nhơn Trạch, thành Tuy Hạ, tiến về Cát Lái, Sư Đoàn 304, Quân Đoàn II (đơn vị đánh trận Thường Đức cuối năm 1974, tân công Đà Nẵng) đánh chiếm xong căn cứ Nước Trong. Đến buổi tối quân cộng sản lấy được thị xã Vũng Tàu. Phòng tuyến Biên Hòa bị chọc thủng tại nhiều nơi. Về hướng Tây, hai Liên Đoàn tân lập 8, 9 Biệt Động Quân chiến đấu quyết liệt suốt đêm, bị thiệt hại nặng, cấp chỉ huy không bỏ binh sĩ, hai vị Tiểu đoàn trưởng bị bắt sống. Liên Đoàn 8 BĐQ tiếp tục chiến đấu sau khi đã có lệnh “buông súng” cho đến gần 1:00g chiều.

Đến buổi sáng ngày định mệnh 30 tháng Tư, Trung Đoàn 24, Sư Đoàn 10 (F-10, F là biệt danh cho cấp Sư Đoàn... E là Trung Đoàn..., Sư Đoàn này thành lập trên Kontum, lập nhiều chiến công trên vùng cao nguyên, đánh quân Đức Lập, Ban Mê Thuột, Khánh Dương, Cam Ranh) đụng mạnh với đơn vị Dù nơi Ngã Tư Bảy Hiền (Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Dù), khu vực Lăng Cha Cả. Sau đó Sư Đoàn 10 tấn công Bộ Tư Lệnh Không Quân và trại Hoàng Hoa Thám. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 25 Bộ Binh trong căn cứ Củ Chi thất thủ, Chuẩn tướng Lý Tòng Bá bị bắt. Sư Đoàn 312 tấn công căn cứ Lai Khê Sư Đoàn 5 BB VNCH, Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ tự sát. Đến 11:30g, ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, kết thúc cuộc chiến Việt Nam. [6]

VI. AI THỰC SỰ LÀ KẺ CHIẾN THẮNG

Trong khuôn khổ “Hòa Bình trong Danh Dự” (Peace with Honor), chính quyền Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon vạch ra ba giới hạn rõ ràng và các mục tiêu phải đạt được, cho “Vua Đi Đêm” Tiến Sĩ Henry Kissinger thương thuyết:

1. Rút các đơn vị quân đội Hoa Kỳ về nước.
2. Trao lại gánh nặng chiến tranh cho VNCH qua chương trình Việt Nam Hóa.
3. Đem về tất cả các tù binh Hoa Kỳ bị giam giữ ngoài Hà Nội.

Ai là kẻ chiến thắng, ai là người thua trận trong cuộc chiến Việt Nam? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta phải đánh giá kết quả của trận chiến. Một câu hỏi khác có lẽ tốt hơn, lôi cuốn hơn: Ai sẽ là kẻ hưởng lợi từ cuộc chiến Việt Nam?

Lẽ dĩ nhiên, chiến thắng của Hà Nội trong tháng Tư năm 1975 đã gom tất cả các khuynh hướng chính trị, đảng phái dưới một chính quyền duy nhất. Độc lập, thống nhất, nhưng thiếu tự do cho người dân Việt Nam. Các trại “học tập cải tạo” được dựng lên nhưng thực chất là những trại “lao động khổ sai” như để trả thù giới chức chính quyền, sĩ quan quân đội VNCH, gây nên sự căm hờn đối với chế độ Hà Nội. Người sĩ quan lúc đi trình diện tóc vẫn còn đen, khi được tha về tóc đã bạc trắng “Ta về cúi mái đầu sương điểm...” (bài thơ “Ta Về”, tác giả Tô Thùy Yên). Có người tù cải tạo khi trở về nhà, mới biết căn nhà đã có “chủ mới” một cán bộ cộng sản, mất nhà cửa, mất cả người vợ năm xưa... Người tù cải tạo trở thành người vô gia cư, phải đạp xe xích lô mưu sinh, sống cho qua những ngày tháng đau thương, buồn tủi “Làm sao mà quên được, tôi phải ăn bát cơm rẻ tiền ngoài lề đường, trong một ngày mưa tầm tã... Những giọt nước mưa thấm qua chiếc nón lá cũ rách nát, rơi xuống bát cơm trông như bát canh... Thỉnh thoảng tôi gặp lại người bạn cũ, cô bạn gái năm xưa... người học trò cũ... Tất cả đều là ‘ông chủ, bà chủ...’ còn tôi chỉ là người đạp xe xích lô không nhà, không cửa, không nơi nương thân.” [8]

Sau các nhà tù cải tạo, làn sóng tỵ nạn tìm cách trốn chạy ra khỏi chế độ hà khắc của cộng sản Việt Nam. Con số lên đến hơn một triệu (1,000,000) người, thêm một triệu người nữa chết trên bước đường đi tìm tự do, ngoài biển đông, trong rừng sâu. Danh từ “thuyền Nhân” (Boat People) đã có từ đó, những người tỵ nạn Việt Nam, và một số ít người Cambodia sống rải rác, lầy lắt trên các quốc gia trong vùng Thái Bình Dương (biển Nam Hải) như Phillipines, Thailand, Malaysia, Singapore, và cả Hong Kong. Họ chờ được các quốc gia tân tiến, tây phương, Australia, Canada, Pháp, và nhất là Hoa Kỳ chấp nhận cho họ tỵ nạn.

Chính quyền Hà Nội vẫn tiếp tục kìm kẹp người dân, vi phạm nhân quyền, đặc biệt đối với những ai hay những nhóm chống đối liên quan đến tự do tôn giáo. Điều đó nói lên tính cách đặc biệt đàn áp tự do tôn giáo của chế độ cộng sản Hà Nội, theo đúng giáo điều của chủ nghĩa cộng sản quốc tế Marxist – Lenninist. Sau hơn 20 năm chiến tranh, hàng

triệu người đã chết, người dân Việt Nam xứng đáng được hưởng có một chính quyền biết lo cho người dân, thay vì kiểm soát quyền tự do, chế ngự, đàn áp người dân. Do đó, khi cộng sản chiến thắng, người dân thua cuộc... “Đồng Khởi mất Tự Do”.

Riêng đối với một nước lớn, “siêu cường” Hoa Kỳ, việc thắng bại từ cuộc chiến Việt Nam sẽ đem lại những gì cho quốc gia cũng như người Hoa Kỳ? Trên tầm vóc chiến lược quốc tế, một nước lớn có thể thua một trận chiến nhỏ nhưng vẫn “sống sót”. Vài học giả bảo thủ cho rằng, Hoa Kỳ và đồng minh Sài Gòn đã cung cấp thời gian cho các nước láng giềng trong vùng Đông Nam Á hưởng lợi từ cuộc chiến Việt Nam. Nền kinh tế Thailand và các quốc gia khác trong vùng đã trưởng thành, nền dân chủ phát triển. Ngoài ra sự chia rẽ (Sino–Soviet split) giữa Trung cộng và Nga Xô (Tàu tố cáo Nga Xô theo chủ nghĩa “xét lại”), có lợi cho Hoa Kỳ mở sợi giây liên lạc, bang giao với Tàu, cô lập “kẻ thù số 1” Nga Xô. Lãnh đạo khối cộng sản “siêu cường” Nga Xô xiêu đi, đưa đến sự sụp đổ các nước cộng sản Đông Âu. Phương Tây dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ đã chiến thắng “cuộc chiến tranh lạnh” đối với khối cộng sản do Nga Xô lãnh đạo.

Một sử gia cho rằng quân đội Hoa Kỳ vẫn được lợi ích từ cuộc chiến tranh Việt Nam. Henry Ward Beecher viết. Thất bại (thua trận) cũng là một trường học mà sự thật trở nên rõ ràng, mạnh mẽ hơn. Người Hoa Kỳ tổn thất cao hơn trong thời gian chiến tranh Việt Nam, với hơn 59 ngàn (59,000) người tử trận. Ngay sau khi trận chiến kết thúc, Đại tướng Creighton Abrams, tái tổ chức lại nền tảng căn bản cho Lục Quân Hoa Kỳ (sau khi về nước, Tướng Abrams lên làm Tham Muu Trưởng Lục Quân Armys Chief of Staffs). Trong tương lai, khi quân đội Hoa Kỳ phải đương đầu với một cuộc chiến lâu dài, Lục Quân Hoa Kỳ sẽ hoàn toàn sử dụng 100% sức mạnh, kể cả quân trừ bị. Gánh nặng sẽ giảm đi cho đạo quân hiện dịch Lục Quân Hoa Kỳ. [9]

VII. KẾT LUẬN

Trận tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968 là một biến cố lớn trong trận chiến tranh Việt Nam, như một gáo nước lạnh tạt vào quần chúng Hoa Kỳ. Đó là một khúc quanh lịch sử, thay đổi dư luận của người Hoa Kỳ về cuộc chiến Việt Nam. Trận Mậu Thân làm cho dư luận quần chúng Hoa Kỳ kết tụ lại như một khối tinh thể rắn chắc... Việt Nam một đất nước... quá xa, quá phức tạp... chúng ta không hiểu rõ, và nhiều người đã phải bỏ mạng, và dường như chúng ta (chính quyền Hoa Kỳ) không biết làm điều gì khả quan hơn. Đó cũng là khởi điểm cho sự bỏ rơi, rút quân đội về nước của người Hoa Kỳ. Trận tổng tấn công Tết Mậu Thân, trên phương diện quân sự, là một thất bại nặng nề, nhưng họ thắng lớn trên khía cạnh chính trị, đó cũng là một khúc quanh lớn của lịch sử.

Khúc quanh trận tấn công Tết Mậu Thân làm cho Tổng thống Lyndon B. Johnson quyết định không ra tái tranh cử. Vị Tổng thống mới của Hoa Kỳ là Richard Nixon, trước áp lực chính trị, dư luận quần chúng, tìm cách “rút chân” ra khỏi Việt Nam. Ông ta đưa ra một kế hoạch, một chương trình gọi là Việt Nam Hóa (Vietnamization), xây dựng quân đội VNCH để họ có thể tự vệ, với sự yểm trợ của người Hoa Kỳ, nhưng không có người

Hoa Kỳ. Trong khoảng thời gian đó (1968–1969) Việt Nam Hóa có nghĩa là từ từ rút quân đội Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam. Chương trình Việt Nam Hóa có thể kéo dài vài năm. Có thể nói chương trình này kết thúc với bản hiệp định Paris, sau những cuộc thương lượng bí mật giữa Henry Kissinger và Lê Đức Thọ. Tất cả mọi người, kể cả mấy viên phụ tá của Kissinger đều cho rằng, hiệp định Paris hoàn toàn bất lợi cho miền Nam Việt Nam (VNCH). Khi được hỏi “VNCH còn tồn tại được bao lâu nữa?” Kissinger trả lời “Một năm hoặc một năm rưỡi, tùy theo...” Ông ta đã sai lầm bán đứng VNCH, cũng sai luôn về tinh thần chiến đấu của quân dân miền Nam Việt Nam. Quân đội VNCH mặc dầu thiếu thốn trên mọi phương diện, đã gánh vác trách nhiệm trên đôi vai, và đã đứng vững trên đôi chân hơn hai năm...

Vào thời điểm ngày định mệnh 30 tháng Tư năm 1975, người Hoa Kỳ đã di tản, tiếp nhận được khoảng 130,000 người tỵ nạn Việt Nam, tiếp theo là những đợt “Thuyền Nhân” ra đi tìm tự do trên những chiếc tàu nhỏ bé mong manh giữa lòng đại dương. Họ ra đi, bỏ lại tất cả, chấp nhận mọi hiểm nguy, gian nan, tủi nhục, để đến được bến bờ tự do. Họ là nhóm người tỵ nạn Việt Nam đông đảo nhất đến Hoa Kỳ và các quốc gia tự do tây phương. Theo cựu Giám Đốc cơ quan Trung Ương Tình Báo Hoa Kỳ CIA, William Coby, những người tỵ nạn Việt Nam đến Hoa Kỳ sau năm 1975 có thể chứng minh rằng, chúng ta (người Hoa Kỳ) không bỏ rơi người bạn đồng minh năm xưa VNCH, và giờ đây trên quê hương thứ hai, họ có thể hãnh diện nhìn thấy con em của họ đang đoạt các giải thưởng danh dự (thủ khoa – valedictorian) trong các trường học Hoa Kỳ. [10]

*Fort Hays State University
Department of Computer Science
Vũ Đình Hiếu, 50 năm tha hương*



Theo tài liệu:

- [1] Henry Kissinger, “Years of Renewal”, 1999, Simon & Schuster, New York, NY., pages: 471
- [2] Đại tướng Cao Văn Viên, “Những Ngày Cuối Của VNCH – The Final Collapse”, 1983, Center of Military History US Army, Washington, D.C., Pages: 46–50.
- [3] Vo Nguyen Giap, “Headquarters In The Spring Victory: Autobiography” Publisher Unknown (on the Internet), Pages: 43–50
- [4] Vũ Đình Hiếu, “Chiến Tranh Việt Nam (1946–1975)”, 2022, tự xuất bản, trang: 19–26
- [5] Đại tướng Văn Tiến Dũng, “Đại Thắng Mùa Xuân”, 2e, 1977, Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân, trang: 165–1970.

[6] Nguyễn Đức Phương, “Những Trận Đánh Lịch Sử trong Chiến Tranh Việt Nam 1968–1975”, 1993, Nhà xuất bản Đại Nam, trang: 405–409.

[7] Dr. Earl H. Tilford, Jr., “Who Won the Vietnam War and Why It Matters”, Vietnam Center Archive, 2002. Pages: 3 – 10.

[8] Vũ Đình Hiếu, “Reaction from the Vietnamese Oversea” (Phản Ứng của người Việt Hải Ngoại), paper presentation at the Vietnam Centers Conference 2002.

[9] Thomas C. Thayer, “War Without Fronts: The American Experience in Vietnam”, 1985, Boulder Colorado, Westview Press, pages: 115.

[10] William Colby “Turning Points in the Vietnam War”, Keynote speaker for the conference at the Vietnam Center at Texas Tech University, April 18, 1996.



*Nguồn: Internet eMail by **vdh** chuyển*

*Đăng ngày thứ Ba, January 13, 2026
tkd, Khoá 10A–72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*